Ký bởi: Ủy ban nhân dân xã Chà Tở

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ CHÀ TỞ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3538/QĐ-UBND	*Chà Tở, ngày 19 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng Công trình: Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Chà Tở

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHÀ TỞ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, ngày 10/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 Quy định chi tiết một số điều của luật xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026;

Căn cứ Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1844/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phân bổ vốn ngân sách trung ương và nguồn đối ứng Ngân sách địa phương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 05/10/2026 của UBND xã Chà Tở về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư công trình: Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Chà Tở;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số 15/TB-PKT, ngày 19/10/2026 của phòng Kinh tế xã;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế tại Tờ trình số 37/TTr-PKT ngày 19/10/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Chà Tở với nội dung sau:

1. Tên công trình: Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Chà Tở.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Chà Tở, tỉnh Điện Biên.

3. Người quyết định đầu tư: UBND xã Chà Tở.

4. Chủ đầu tư: Phòng kinh tế xã Chà Tở.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH Phú Minh Điện Biên.

6. Tổ chức tư vấn thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng Cường Nguyên.

7. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:

- Nhóm dự án: C.

- Loại công trình: Công trình dân dụng; Cấp III.

8. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Sau khi hoàn thành công trình sẽ tạo không gian cho người dân tập luyện, nâng cao sức khỏe và giao lưu văn hóa, thể thao cộng đồng. Góp phần đồng bộ hóa hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở, thay đổi diện mạo nông thôn mới hiện đại. Đồng thời là nơi phục vụ các sự kiện chính trị, ngày hội văn hóa, hoạt động tập trung đông người của địa phương.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Nhà 3 gian:

- Loại công trình xây dựng dân dụng;

- Công trình cấp III,.

Diện tích xây dựng: Sxd = 101,63m2;

Diện tích sử dụng: Ssd = 85,12m2;

- Nhà 01 tầng, chiều cao tầng là 3,6m. Bước gian 3,3m, nhịp 6,8m. Nhà bao gồm phòng công vụ, phòng kho và phòng vệ sinh riêng khép kín.

- Móng đơn BTCT 200# kết hợp móng băng xây gạch. Giằng móng BTCT M200#. Lót móng bằng bê tông 100#, đá 4x6. Kết cấu thân nhà cột, dầm, sàn BTCT 200# đá 1x2; Tường xây chèn gạch không nung dày 220cm vữa xi măng có hệ thống giằng ngang kháng chấn bằng BTCT M200# đá 1x2. Nền trong phòng, hiên lát gạch Granite kích thước 600x600mm; Trong phòng WC lát gạch chống trơn kích thước 300x300mm, tường ốp gạch men kích thước 300x600mm. Trát dầm, trần, tường VXM 75#. Mái láng VXM quét dung dịch chống thấm. Trần trong nhà bằng hệ trần nhôm Nano; Toàn bộ nhà lăn lu sơn 3 nước. Cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm kính hệ Việt Pháp. Hoa sắt cửa bằng Inox. Trần hiên bằng BTCT 200# dầy 100mm. Hệ thống cấp điện, hệ thống cấp, thoát nước đồng bộ, hoàn chỉnh.

9.2. Sân khấu:

- Loại công trình xây dựng dân dụng;

- Công trình cấp III,.

Diện tích xây dựng: Sxd = 84,588m2;

- Móng tường sân khấu bằng móng đơn BTCT 200# kết hợp móng băng xây gạch . Giằng móng BTCT M200#. Lót móng bằng bê tông 150#, đá 4x6.; Tường sân khấu xây gạch không nung VXM 75#, hệ thống giằng ngang kháng chấn bằng BTCT M200# đá 1x2. Nền, bậc tam cấp sân khấu lát đá granite. Tường sân khấu trát VXM 75#. Toàn bộ nhà lăn lu sơn 3 nước.

9.3. Nhà vệ sinh 6 chỗ:

- Loại công trình xây dựng dân dụng;

- Công trình cấp III,.

Diện tích xây dựng: Sxd = 31,84m2;

Diện tích sử dụng: Ssd = 24,78m2;

- Nhà 01 tầng, chiều cao tầng là 3m. Bước gian 3,2m, nhịp 3,3m. Nhà gồm khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt, kích thước mỗi khu vệ sinh 3,2mx3,3m.

- Móng băng xây gạch. Giằng móng BTCT M200#. Lót móng bằng bê tông 150#, đá 4x6. Kết cấu thân nhà cột, dầm, sàn BTCT 200# đá 1x2; Tường xây chèn gạch không nung dày 220cm vữa xi măng có hệ thống giằng ngang kháng chấn bằng BTCT M200# đá 1x2. Nền lát gạch chống trơn kích thước 300x300mm, tường ốp gạch men kích thước 300x600mm. Trát dầm, trần, tường VXM. Mái láng VXM quét dung dịch chống thấm. Toàn bộ nhà lăn lu sơn 3 nước. Cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm kính hệ Việt Pháp. Hoa sắt cửa sổ bằng thép vuông đặc 12 x 12. Trần nhà bằng BTCT 200# dầy 100mm. Hệ thống cấp điện, hệ thống cấp, thoát nước đồng bộ, hoàn chỉnh.

9.4. Bể nước:

- Bể nước dung tích 50m3. Đáy bể, thành bể, mái bể bằng BTCT 200#. Lòng bể quét dung dịch chống thấm.

9.5. Các hạng phụ trợ

- Sân bóng có diện tích: S= 1440m2; Nền sân lót cấp phối dầm chặt, rải đá Mi tạo dốc dày 20mm; Mặt sân bằng cỏ nhân tạo

- Rãnh thoát nước, hố ga: Rãnh thoát nước, hố ga xây gạch VXM 75#, bê tông lót móng đá 4x6, 150#. Tấm đan nắp rãnh BTCT 200#; Lòng rãnh trát, láng VXM 75#

- Tường rào hoa sắt: Móng đơn BTCT 200# kết hợp móng băng xây gạch VXM 75#; Thân, trụ tường rào xây gạch VXM 75# lõi trụ BTCT 200# ; Trát tường, trụ tường rào VXM 75#, lăn lu sơn 3 nước. Hoa sắt bằng sắt hộp quét sơn 3 nước.

- Tường rào lưới thép: Móng cột tường rào BT đá 1x2 200#; Cột tường rào bằng cột thép D90, lưới thép tường rào bằng lưới thép D6. Toàn bộ cột, lưới thép tường rào quét sơn 3 nước

- Cổng: Móng trụ cổng BTCT 200#; Trụ cổng xây gạch, lõi trụ BTCT 200#, Chân trụ ốp đá; Biển cổng xây gạch, mặt biển cổng ốp đá, chữ biển cổng hợp kim nhôm; Cánh cổng bằng sắt hộp quét sơn 3 nước.

- Sân bê tông: S=870m2; Nền sân đắp cát dày 50mm, lót bạt dứa, bê tông mặt sân đá 1x2, 200#, mặt sân cắt khe lún rộng 2cm

- Chiếu sáng ngoài trời: Móng cột bằng bê tông 200#; Trụ cột bằng cột thép; Đèn chiếu sáng bằng đèn năng lượng mặt trời.

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 2737 : 2020 Tải trọng và tác động. Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN:5573:2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN : 5574 : 2012 Kết cấu bê tông cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế.

- Tiêu chuẩn xây dựng TCXDVN 9362–2012 – Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- Tiêu chuẩn xây dựng TCXDVN 189:1996 Móng tiết diện nhỏ - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Qui chuẩn xây dựng, tập II phần kết cấu.

- 11 TCN 18–2006 “Quy phạm trang thiết bị điện”.

- 20 TCN 16–86 “Tiêu chuẩn chiếu sáng nhân tạo trong công trình dân dụng”

- 20 TCN 25–91“Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng – tiêu chuẩn thiết kế ”

- 20 TCN 27–91 “Tiêu chuẩn về lắp đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng”

- 20 TCN 29–91 “Tiêu chuẩn chiếu sáng tự nhiên trong công trình dân dụng”

- TCVN 4756 – 89 “ Quy phạm nối đất và nối trung tính các thiết bị điện”

- TCVN 4086 -95 “Tiêu chuẩn về an toàn điện trong xây dựng”

- TCVN 5308 -91“Tiêu chuẩn về an toàn lắp đặt và sử dụng thiết bị

- 20 TCN 46–84 “Chống sét cho các công trình xây dựng tiêu chuẩn thiết kế thi công”

11. Tổng mức đầu tư: 6.400.000.000 đồng *(Bằng chữ: Sáu tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn).*

Trong đó:

Chi phí xây dựng	5.520.541.041	đồng
Chi phí quản lý dự án	174.229.626	đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	514.737.213	đồng
Chi phí khác	34.470.400	đồng
Chi phí dự phòng	156.021.721	đồng

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026 - 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư: Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030 và nguồn vốn đối ứng hợp pháp khác.

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tổ chức quản lý dự án.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Chủ đầu tư (Phòng Kinh tế xã) có trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện Dự án đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của nhà nước. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả tổ chức triển khai thực hiện dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Đảng ủy (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lò Văn Nọi

BẢNG TỔNG DỰ TOÁN
CÔNG TRÌNH: Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Chà Tở
(Kèm theo Quyết định số 3539/QĐ-UBND ngày 19/10/2026 của UBND xã Chà Tở)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	ĐỊNH MỨC	HỆ SỐ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	**Chi phí xây dựng**				**5.111.612.075**	**408.928.966**	**5.520.541.041**	**Gcpxd**
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính, phụ trợ tạm phục vụ thi công				5.055.996.118	404.479.689	5.460.475.807	Gxd
	+ HẠNG MỤC: SAN NỀN			Dự toán chi tiết	1.389.103.367	111.128.269	1.500.231.636	Gxd.1
	+ HẠNG MỤC: NHÀ 3 GIAN			Dự toán chi tiết	911.466.498	72.917.320	984.383.818	Gxd.2
	+ HẠNG MỤC: NHÀ VỆ SINH 6 CHỖ			Dự toán chi tiết	342.389.826	27.391.186	369.781.012	Gxd.3
	+ HẠNG MỤC: SÂN KHẤU			Dự toán chi tiết	313.690.074	25.095.206	338.785.280	Gxd.4
	+ HẠNG MỤC: BỂ NƯỚC			Dự toán chi tiết	218.376.335	17.470.107	235.846.442	Gxd.5
	+ HẠNG MỤC: PHỤ TRỢ			Dự toán chi tiết	1.880.970.018	150.477.601	2.031.447.619	Gxd.6
1.2	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công				55.615.957	4.449.277	60.065.234	Gnt
	+ HẠNG MỤC: SAN NỀN				15.280.137	1.222.411	16.502.548	
	+ HẠNG MỤC: NHÀ 3 GIAN				10.026.131	802.091	10.828.222	
	+ HẠNG MỤC: NHÀ VỆ SINH 6 CHỖ				3.766.288	301.303	4.067.591	
	+ HẠNG MỤC: SÂN KHẤU				3.450.591	276.047	3.726.638	
	+ HẠNG MỤC: BỂ NƯỚC				2.402.140	192.171	2.594.311	
	+ HẠNG MỤC: PHỤ TRỢ				20.690.670	1.655.254	22.345.924	
2	**Chi phí quản lý dự án**	**3,446 %**		**3,446% x Gxd**	**174.229.626**	**0**	**174.229.626**	**Gqlda**
3	**Chi phí tư vấn xây dựng**				**476.608.531**	**38.128.682**	**514.737.213**	**Gtv**
3.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	4,443 %		4,443% x Gxd	224.637.908	17.971.033	242.608.941	Gtv.1
3.2	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	0,258 %	1,20	0,258% x 1,2 x Gxd	15.653.364	1.252.269	16.905.633	Gtv.2
3.3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	0,250 %	1,20	0,25% x 1,2 x Gxd	15.167.988	1.213.439	16.381.427	Gtv.3
3.4	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	0,432 %		0,432% x Gxd	21.841.903	1.747.352	23.589.255	Gtv.4
3.5	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3,285 %	1,20	3,285% x 1,2 x Gxd	199.307.367	15.944.589	215.251.956	Gtv.5
4	**Chi phí khác**				**34.470.400**	**0**	**34.470.400**	**Gk**
4.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0,019 %		0,019% x TMĐT	1.216.000	0	1.216.000	Gk.1
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,520 %		0,052% x TMĐT	33.254.400	0	33.254.400	Gk.2
5	**Chi phí dự phòng**				**156.021.721**	**0**	**156.021.721**	**Gdp**
	TỔNG CỘNG				**5.952.942.352**	**447.057.648**	**6.400.000.000**	